TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 111/2018/DS-PT Ngày 17 - 8 - 2018 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi)	

NHÂN D2H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Giới

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2018/TLPT- DS, ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 200/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2018 và Lịch xét xử số 32/LXX-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Diệp Minh T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Tuyết N, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1970 (có mặt);

2. Anh Trần Huy C, sinh năm 2000 (vắng mặt);

3. Anh Trần Anh Q, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Huy C, anh Trần Anh Q: Ông

Trần Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2017, có mặt).

4. Ông Trần Văn N, sinh năm 1955 (vắng mặt);

5. Ông Trần Văn B, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Trần Thị N, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kim Châu, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N, ông Trần Văn B, bà Trần Thị N: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2017, có mặt).

7. Ông Trần Văn D, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2017, có mặt).

8. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn M: Anh Dương Thanh T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2016, có mặt).

9. Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Văn V: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2016, có mặt).

10. Bà Dương Thị N, sinh năm 1955 (có mặt);

11. Anh Trần Cẩm V, sinh năm 1980 (có mặt);

12. Anh Trần Quốc P, sinh năm 1981 (có mặt);

13. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1986 (có mặt);

14. Ông Dương Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt);

15. Ông Thạch N, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

16. Anh Thạch Thanh N, sinh năm 1978 (vắng mặt);

17. Ông Thạch S, sinh năm 1940 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Thạch Thanh N, ông Thạch S: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944; địa chỉ ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017 và ngày 31/8/2017, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Gia đình ông có 02 thửa đất do ông đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 177, diện tích 1760m^2, loại đất lúa và thửa đất số 178, diện tích 1.198m^2, loại đất quả, thổ thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc đất của ông Trần Văn V là cha ruột. Năm 1976, ông Thạch D1 và Thạch D2 có nhà ở phía trong nên đi nhờ bờ ranh ruộng đất của ông để ra lộ công cộng, sau đó ông D1 và ông D2 bán đất cho ông Thạch S, còn ông Dương Trung Q là cha bà Dương Thị Tuyết N cũng có đất ở phía trong cất chòi ở và đi nhờ bờ ranh ruộng này. Khoảng năm 1979, ông S và ông Q tự seo đất nẽ đắp vào bờ ranh ruộng rộng 02m, chiều dài đến đất của ông Q để làm lối đi ra lộ công cộng. Sau đó gia đình bà N và 07 hộ gồm: Dương Thị N, Trần Quốc P, Nguyễn Trung T, Trần Cẩm V, Thạch S, Thạch N và Dương Thanh T cùng sử dụng chung lối đi này.

Năm 2000, bà N bỏ tiền ra xây đà kiền phía giáp mươn ao đất của ông để lối đi không bị sạt lỡ. Bà N xây chiều dài 51m, đổ đà, xây gạch cao 01 mét, rồi đổ cát và bít ton để xe ba gác, xe tải nhỏ lưu thông đi lại dễ dàng. Đầu năm 2014, bà N yêu cầu ông tách thửa lối đi này để bà N đứng tên, ông không đồng ý dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Nay ông yêu cầu giải quyết buộc bà Dương Thị Tuyết N phải trả cho ông lối đi ngang từ 2,1m - 2,6m, dài 106m, diện tích 251m^2, thuộc thửa đất số 177 và thửa đất số 178, ông không đồng ý cho 08 hộ nêu trên tiếp tục sử dụng đất của ông để làm lối đi chung. Ông khẳng định cha ông không có bán lối đi, chỉ cho các hộ này đi nhờ.

** Bị đơn bà Dương Thị Tuyết N trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 177 và thửa đất số 178 là của ông Trần Văn V là cha ông Trần Văn T. Năm 1977, ông Dương Trung Q là cha của bà có mua đất của ông V chiều ngang 01 tầm đất (2,7m), dài 106m để làm lối đi ra lộ công cộng với giá 09 giạ lúa (*ông Q chịu 08 giạ và Thạch S 01 giạ lúa*). Sau đó cha bà thuê mướn người seo đất nẽ đắp thành lối đi. Năm 1990 ông Q chết, gia đình bà tiếp tục sử dụng lối đi này. Năm 2000 gia đình bà tu bổ lối đi, xây đà kiền chặn đất để không bị sạt lỡ. Khi đó ông T không có ngăn cản mà còn chứng kiến cậm trụ, chỉ ranh để gia đình bà xây dựng.

Năm 2014, ông T tự ý cậm 01 trụ xi măng giữa lối đi không cho gia đình bà và các hộ phía trong sử dụng lối đi nên phát sinh tranh chấp. Ngoài lối đi này ra, gia đình bà và các hộ phía trong không còn lối đi nào khác thuận tiện hơn. Mặt dù hiện nay Nhà nước có làm đường đal trên đất của bà, nhưng từ nhà của bà đi đến đường đal khoảng 80m, chưa hình thành lối đi, đi bộ được, xe lưu thông không được.

Nay bà không đồng ý trả lối đi theo yêu cầu của ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T cùng gia đình phải giao lối đi ngang từ 2,1m - 2,6m, dài 106m, diện tích 251m^2 thuộc thửa đất số 177 và thửa đất số 178 cho gia đình bà và các hộ

phía trong sử dụng làm lối đi chung. Bà đồng ý trả tiền cho ông T theo như Tòa án đã định giá.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Dương Thị N, ông Huỳnh Văn M, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, ông Dương Thanh T, anh Huỳnh Thanh T, ông Huỳnh Văn V, ông Thạch N và bà Nguyễn Thị L đều có chung ý kiến trình bày như sau*:

Thống nhất theo lời trình bày của bà Dương Thị Tuyết N, yêu cầu ông T giao lối đi tranh chấp làm lối đi chung, đồng ý cùng bà N trả tiền lối đi cho ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Cẩm V trình bày:* Về lối đi ông T và bà N tranh chấp, anh không có nhu cầu đi lối đi này, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp ông T rào lối đi thì anh tìm lối đi khác, nếu lối đi thuộc quyền sử dụng đất của bà N anh cũng tìm lối đi mới, gia đình anh không đi lối đi này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ C, anh Trần Huy C, anh Trần Anh Q, ông Trần Văn N, ông Trần Văn B, bà Trần Thị N, ông Trần Văn D trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông Trần Văn T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Bác đơn khởi kiện của ông Trần Văn T. Chấp nhận đơn khởi kiện phản tố của bà Dương Thị Tuyết N.

- Buộc hộ ông Trần Văn T giao lối đi ngang từ 2,1m - 2,6m, dài 106m, diện tích 251m^2 (*trong đó 132m^{2}thuộc thửa đất số 177, loại đất Lúa và 119m2 thuộc thửa đất số 178 loại đất quả*), thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh đã cấp cho hộ ông Trần Văn T đứng tên, giao cho bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T được quyền sử dụng đất để làm lối đi chung đi ra Hương lộ 17.

- Buộc bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Văn T giá trị quyền sử dụng đất diện tích 251m^2 sử dụng làm lối đi là 11.230.000 đồng (*mười một triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/11/2017 nguyên đơn ông Trần Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc hộ bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Nhã, ông Thạch N, ông Dương Thanh T phải trả lại lối đi ngang 2,1m - 2,6m, dài 106m, diện tích 251m^2, thuộc thửa đất số 177 và thửa đất số 178, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát triểu tranh luận của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là có cơ sở chấp nhận vì hiện nay bà N đã có lối đi khác thuận tiện hơn thể hiện: Từ nhà bà N đến đường đal 80m, còn đi lối đi tranh chấp dài 106m, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại lối đi diện tích 251m^2 cho gia đình ông T.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Án sơ thẩm xử công nhận lối đi cho bị đơn và những người có liên quan được sử dụng theo hiện trạng là có căn cứ, vì lối đi đã hình thành gần 30 năm. Quá trình sử dụng lối đi, bị đơn tôn tạo nguyên đơn biết nhưng không phản đối. Đề nghị bác kháng cáo của ông T, buộc ông T giao lối đi cho bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N và anh Dương Thanh T được quyền sử dụng để làm lối đi chung ra Hương lộ 17. Về nghĩa vụ bồi thường đề nghị sửa án sơ thẩm, buộc bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N và anh Dương Thanh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trần Văn T giá trị quyền sử dụng đất diện tích 251m^2 sử dụng làm lối đi là 37.650.000 đồng theo biên bản định giá ngày 24/7/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn T kiện bà Dương Thị Tuyết N yêu cầu trả diện tích đất 251m^2, thuộc thửa đất số 177 và thửa 178, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện C. Diện tích đất này hiện bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng làm lối đi. Án sơ thẩm xác định các đương sự tranh chấp với nhau là quyền sử dụng đất (lối đi) là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] Theo hồ sơ vụ án và lời khai của ông T, bà N đều xác nhận lối đi được hình thành từ năm 1976, gia đình bị đơn và những người có liên quan sử dụng liên tục từ đó đến nay. Quá trình sử dụng lối đi, bị đơn đã nhiều lần tôn tạo, ông T biết và chứng kiến nhưng không phản đối.

[3] Xét kháng cáo của ông T thấy rằng: Lối đi tranh chấp được bị đơn và những người liên quan sử dụng ổn định, lâu dài và là lối đi thuận tiện nhất đi ra lộ công cộng. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"Lối đi được mở trên bất động sản liền kề mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi"*.

[4] Từ quy định của pháp luật như trên án sơ thẩm xử bác yêu cầu của ông T, giữ nguyên hiện trạng lối đi, buộc bị đơn và người có liên quan trả giá trị đất cho gia đình ông T là đúng pháp luật, có lý có tình, đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự trong vụ án.

[5] Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm ông T kháng cáo và có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy việc định giá lại được Hội đồng định giá xác định giá đất thị trường là 150.000 đồng/m^2, tăng so với giá Tòa án sơ thẩm đã định. Để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần buộc bà Dương Thị Tuyết N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng sử dụng lối đi có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông Trần Văn T như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C về tranh chấp quyền sử dụng đất phần đất lối đi, sửa án sơ thẩm về số tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

Tuyên xử:

1. Buộc hộ ông Trần Văn T giao lối đi ngang từ 2,1m - 2,6m, dài 106m, diện tích 251m^2 (*trong đó 132m^2 thuộc thửa đất số 177, loại đất lúa và 119m2 thuộc thửa đất số 178 loại đất quả*), thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T được quyền sử dụng để làm lối đi chung.

Vị trí lối đi được thể hiện theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo Công văn số 47/CV-CNVPĐKĐĐ, ngày 16/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C.

2. Buộc bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 251m^2 cho ông Trần Văn T với số tiền 37.650.000 đồng (*ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trần Văn T đã nộp 2.240.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000834 ngày 24/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Trần Văn T được nhận lại số tiền 1.940.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Buộc bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T có nghĩa vụ liên đới nộp 1.882.500 đồng.

+ Hoàn trả cho bà Dương Thị Tuyết N 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biêu lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010698 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010853 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về lệ phí thẩm định, định giá tài sản:

Ông Trần Văn T đã nộp tạm ứng 5.604.000 đồng tại Tòa án cấp sơ thẩm và 1.510.000 đồng tại Tòa án cấp phúc thẩm, tổng cộng là 7.114.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn T phải chịu 2.802.000 đồng.

Buộc bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T có nghĩa vụ liên đới chịu 4.312.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền 4.312.000 đồng. Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C thu số tiền 4.312.000 đồng từ bà Dương Thị Tuyết N, bà Dương Thị N, anh Trần Quốc P, anh Nguyễn Trung T, anh Thạch Thanh N, ông Thạch N, ông Dương Thanh T để hoàn trả cho ông Trần Văn T.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Giới

Huỳnh Văn Hoàng Vân

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực